TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1847**/2026/DS-ST
Ngày: 11 – 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Anh Ngọc

2/ Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1597/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2026/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số D đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số D đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền số công chứng 012499/2025/CCGD ngày 11/11/2025 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Bị đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số D đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số D đường E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Có mặt).

Người làm chứng: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Số A đường số H, Khu phố G, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 17/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần Văn T *do bà* Vũ Thị T1 *làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Trần Văn T và bà Đoàn Thị L quen biết đã lâu và bà L cũng nhiều lần vay tiền của ông T.

Ngày 10/9/2024, do cần tiền nên bà L vay ông T số tiền 50.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 10/9/2024, giấy này do bà L tự viết tay, hai bên có ký xác nhận vào. Ông T giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà L bằng tiền mặt, có bà Phạm Thị C là người chứng kiến và có ký vào giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng. Hai bên thỏa thuận bà L có trách nhiệm trả trong vòng 01 hoặc 02 tháng.

Ngày 17/3/2024 bà L có vay thêm số tiền 20.000.000 đồng và tự mình viết thêm vào Giấy mượn tiền ngày 10/9/2024. Do bà L nói cho ông T 4.000.000 đồng nên ông T chỉ chuyển khoản cho bà L số tiền 16.000.000 đồng.

Đến ngày 20/02/2025, bà L tiếp tục vay ông T thêm số tiền 50.000.000 đồng. Bà L cũng tự viết Giấy mượn tiền ngày 20/02/2025 và các bên ký xác nhận. Hai bên thỏa thuận bà L có trách nhiệm trả trong vòng 01 hoặc 02 tháng. Khoản vay này ông T cũng giao tiền mặt cho bà L, và ông T có lưu hình ảnh lúc nhận tiền của bà L.

Ông T đã đưa cho bà L tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Từ lúc vay tiền cho đến nay, bà L chưa trả cho ông T được đồng nào.

Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh, không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho ông T số tiền 116.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu pháp luật. Ông T không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2026, người làm chứng là bà Phạm Thị C *trình bày*:

Bà xác nhận bà có ký với tư cách là người làm chứng trong Giấy mượn tiền ngày 10/9/2024 giữa ông Trần Văn T và bà Đoàn Thị L. Bà có chứng kiến việc ông T giao số tiền 50.000.000 đồng bằng tiền mặt cho bà L. Bà chỉ chứng kiến việc giao số tiền trên còn các khoản vay khác giữa ông T và bà L thì ba không biết và cũng không liên quan.

Toà án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho bà Đoàn Thị L nhưng bà L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn do bà Vũ Thị T1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông T cho bà L vay tiền với lãi suất 5%/tháng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không ghi nhận trong giấy vay tiền. Phía nguyên đơn thừa nhận, bà L đã trả được số tiền là 30.000.000 đồng và nguyên đơn đồng ý trừ số tiền này vào nợ gốc. Do đó, ông T yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc còn lại là 86.000.000 đồng cho ông T, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị bà L trả số tiền nợ gốc còn lại là 86.000.000 đồng cho ông T, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T1 không yêu cầu bà L trả số tiền trên cho bà.

- Người làm chứng: Có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án

theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Xét thấy quyền và lợi ích của ông T bị vi phạm nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc bà L phải thanh toán cho ông T số tiền 86.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T, buộc bà Đoàn Thị L phải trả cho ông T số tiền 86.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Xét Đơn khởi kiện, giấy vay tiền ngày 10/9/2024 và ngày 20/02/2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Do bà Đoàn Thị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Ông Trần Văn T yêu cầu bà Đoàn Thị L trả số tiền nợ gốc là 86.000.000 đồng:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10/9/2024, ngày 20/02/2025, sao kê tại Ngân hàng TMCP S ngày 17/3/2025, ngày 17/9/2025 và lời trình bày của phía ông T cùng với lời khai của người làm chứng thì bà L có vay của ông T và tổng số tiền ông T đã đưa cho bà L là 116.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt cho bị đơn Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà L vẫn không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bà L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định bà L vay của ông T số tiền 116.000.000 đồng. Phía nguyên đơn xác nhận bà L đã trả được cho ông T số tiền là 30.000.000 đồng và phía nguyên đơn đồng ý trừ số tiền này vào nợ gốc, điều này là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 86.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Ông T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông T là 86.000.000 đồng, do đó án phí bà L phải chịu là 4.300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0027377 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T**:**

Buộc bà Đoàn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ gốc là 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng) còn nợ của Giấy mượn tiền đề ngày 10/9/2024 và ngày 20/02/2025.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn T toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0027377 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương